

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07/10/2019

V/v : “*Kiến xin ly hôn, tranh
chấp việc nuôi con chung*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Xuân Tim;

2. Bà Nguyễn Thị Quy

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Loan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung, Kiểm sát viên.

Ngày 07/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 162/2019/TLST-HNGĐ, ngày 09/8/2019 về việc kiện xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXX-ST ngày 04/9/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 32, ngày 24/9/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1969.** Đăng ký hộ khẩu thường trú, trú tại: Thôn K, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* **Chị Phạm Thị H, sinh năm 1972.** Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Hiện trú tại: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ anh M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 16/11/1995. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn hai mươi năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc làm kinh tế nên thường xuyên đánh cãi nhau, chị H không hiểu và thông cảm cho anh, thường có những lời nói không tôn trọng, không những vậy mỗi lần xảy ra mâu thuẫn chị H lại bỏ nhà đi, vì không muốn gia đình đổ vỡ nên anh đã nhiều lần đi tìm và động

viên chị H đoàn tụ. Những tưởng sau mỗi lần như vậy, chị H sẽ thay đổi nhưng tình trạng vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, cụ thể là tháng 7/2019 cũng vì vấn đề kinh tế mà vợ chồng xảy ra cãi nhau, do chị H có lời nói không tôn trọng anh, nên anh có đánh chị và chị bỏ nhà đi không về cũng không quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không tồn tại nên anh xin được ly hôn chị H.

Về quan hệ con chung: Anh và chị H có 03 con chung là Nguyễn Thị H sinh năm 1996, Nguyễn Thị H1, sinh năm 1998 và Nguyễn Xuân B sinh năm 2008. Hiện cháu H1 và cháu H đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn đối với cháu B đề nghị Tòa án theo quan điểm của cháu B.

Về quan hệ tài sản: Về tài sản chung vợ chồng anh chị thỏa thuận, nên không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, sau này nếu tranh chấp sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Về công nợ: Vợ chồng không vay nợ ai, không ai vay nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ chị H trình bày: Về điều kiện, thời gian kết hôn như anh M trình bày. Tuy nhiên về mâu thuẫn vợ chồng không như anh M khai nhận, cụ thể: Chị và anh M chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, gọi là hạnh phúc chứ trong 10 năm đó vẫn xảy ra cãi nhau nhưng chị đều chịu đựng và bỏ qua. Tuy nhiên, do vợ chồng không có tiếng nói chung, không hiểu và hòa hợp với nhau trong tình cảm vợ chồng cũng như không có sự động viên chia sẻ trong cả làm kinh tế. Anh M không chịu làm mà chỉ ham chơi còn bắt chị đi vay tiền để anh được thỏa mãn nhiều cuộc chơi với bạn bè, có lần chị không đi thì bị anh đuổi đánh, để bảo vệ bản thân chị đã phải tránh về nhà bố mẹ đẻ sau đó anh M có đến xin lỗi, hứa sẽ thay đổi nên vợ chồng đoàn tụ. Nhưng khi về nhà được ít ngày, anh M lại tiếp tục đi chơi và về đuổi đánh chị, nghĩ đến các con chị đã cố chịu đựng từ năm 2005. Đến nay chị thấy cuộc sống vợ chồng vô cùng căng thẳng, anh M không coi chị là vợ muốn đuổi đánh lúc nào cũng được, gần đây nhất vợ chồng cãi nhau cũng vì vấn đề kinh tế, do không thống nhất được quan điểm nên chị đã đưa cháu B về nhà bố mẹ đẻ tại Kim Tân – Kim Thành sống cho đến nay. Nay anh M xin ly hôn chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không tồn tại, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể đoàn tụ nên chị đồng ý ly hôn anh M.

Về quan hệ con chung: Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Thị H sinh năm 1996, Nguyễn Thị H1, sinh năm 1998 và Nguyễn Xuân B sinh ngày 13/9/2008. Hiện cháu H1 và cháu H đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn đối với cháu B đang ở cùng chị, khi ly hôn chị xin được nuôi con và yêu cầu anh M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị 700.000 đồng/tháng từ tháng 9/2019 đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị có tài sản chung là 200 m² đất vườn và 01

nhà xây 1 tầng đồ mái bằng diện tích 70 m² cùng các vật dụng trong gia đình: 01 tivi 55 inch sony, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 bình nóng lạnh, 01 quạt trần, 01 tủ thờ bằng gỗ, 01 kệ tivi, 01 bộ bàn ghế, 03 giường, 2 xe máy honda. Những tài sản trên hiện anh M đang quản lý sử dụng. Tổng giá trị tài sản khoảng 600.000.000 đồng. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án phân chia. Tuy nhiên, chị không nộp tiền tạm ứng án phí về chia tài sản.

Về công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Anh M: Giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn chị H, đồng ý để chị H nuôi cháu B và cấp dưỡng nuôi cháu B cùng chị H 700.000đồng/tháng từ tháng 9/2019 đến khi cháu B trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Chị H: Đồng ý ly hôn và nuôi con với mức cấp dưỡng như anh M trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết về chia tài sản vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh M được ly hôn chị H.

- Về quan hệ con chung: Anh M và chị H có ba con chung: **Nguyễn Thị H sinh năm 1996, Nguyễn Thị H1, sinh năm 1998 và Nguyễn Xuân B sinh ngày 13/9/2008. Hiện cháu H1 và cháu H đã trưởng thành, tự lập, không phải giải quyết. Giao cháu Nguyễn Xuân B cho chị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.** Anh M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu B cùng chị H 700.000 đồng/tháng từ tháng 9/2019 đến khi cháu B trưởng thành đủ 18 tuổi.

- **Về tài sản chung:** Sau này các đương sự có đơn yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ thụ lý, giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

1/ *Về quan hệ vợ chồng*: Anh Nguyễn Văn M và chị Phạm Thị H kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh M thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; bản thân anh chị cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không có hạnh phúc và đã sống ly thân và đều mong muốn ly hôn. Do đó, áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh M được ly hôn chị H là phù hợp.

2/ *Về con chung*: Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Thị H sinh năm 1996, Nguyễn Thị H1, sinh năm 1998 và Nguyễn Xuân B sinh ngày 13/9/2008. Hiện cháu H1 và cháu H đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

Đối với cháu B, hiện đang ở cùng chị H, cháu B xin được ở với mẹ, mặt khác anh M cũng đồng ý để chị H nuôi cháu B nên cần giao cháu B cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị H 7.00.000 đồng/tháng từ tháng 9/2019 đến khi cháu B trưởng thành đủ 18 tuổi phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3/ *Về tài sản chung*: Tại đơn khởi kiện, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 20/8/2019 chị H có yêu cầu chia tài sản vợ chồng và ước tính tổng giá trị tài sản chung là 600.000.000 đồng. Tòa án nhân dân huyện Kim Thành đã giao thông báo nộp tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của chị H. Hết thời hạn theo quy định, chị H không nộp biên lai và trình bày (ngày 28/8/2019) chị không có tiền nộp và chị không phải nộp, anh M là người khởi kiện xin ly hôn thì anh phải nộp số tiền tạm ứng án phí chia tài sản.

Ngày 28/8/2019, Tòa án đã lấy lời khai anh M về yêu cầu chia tài sản vợ chồng, anh M có quan điểm chị H yêu cầu thì chị H phải nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, sau này nếu có yêu cầu thì sẽ đề nghị Tòa án giải quyết tại vụ án khác nên anh kiên quyết không nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản thay chị H. Tòa án đã giải thích về việc đương sự phải nộp tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản cho chị H, nhưng chị H kiên quyết không nộp và vẫn yêu cầu Tòa án phân chia tài sản vợ chồng. Cùng ngày, Tòa án đã lập biên bản về việc chị H không nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản.

Tại phiên tòa, chị H có mặt, vẫn yêu cầu chia tài sản vợ chồng nhưng vẫn không nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản. Anh M không yêu cầu chia tài sản và cũng không đồng ý nộp tiền tạm ứng chia tài sản đối với yêu cầu của chị H. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Sau này các đương sự có đơn yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ thụ lý, giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

4/ *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, Anh M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ **Căn cứ vào:** Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 39 Bộ luật dân sự. Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2/ **Về quan hệ vợ chồng:**

Xử Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn M, xử cho anh Nguyễn Văn M được ly hôn chị Phạm Thị H.

3/ **Về quan hệ con chung:**

Anh M và chị H có 03 con chung là Nguyễn Thị H, sinh năm 1996, Nguyễn Thị H1, sinh năm 1998 và Nguyễn Xuân B, sinh ngày 13/9/2008. Hiện cháu H1 và cháu H đã trưởng thành, tự lập nên không phải giải quyết.

Giao cháu Nguyễn Xuân B cho chị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Anh M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu B cùng chị H 700.000 đồng/tháng từ tháng 9/2019 đến khi cháu B trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4/ **Về án phí:** Anh M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2017/0004032 ngày 07 tháng 8 năm 2019.

Anh M phải chịu 300.000 đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh M và chị H. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Kim Thành;
- UBND xã Tam Kỳ, huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Trung